

Số: 278/2025/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 26 tháng 03 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình đã thụ lý số 1382/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Phạm Văn P

Địa chỉ: A khu phố D, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Lê Thị Tuyết N

Địa chỉ: A T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Lê Thị Tuyết N và ông Phạm Văn P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/2017, cấp ngày 19/01/2017. Nay ông P – bà N yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Quỳnh Nhã A, sinh ngày 08/10/2016, ông P và bà N thỏa thuận giao con chung cho ông Phạm Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Lê Thị Tuyết N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông P và bà N trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông P và bà N trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Tuyết N cùng chịu theo biên lai đóng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp cho Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Tuyết N thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2017, do Ủy ban nhân dân phường A, Quận A cấp ngày 19 tháng 01 năm 2017 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Quỳnh Nhã A, sinh ngày 08/10/2016.

Giao con chung là Phạm Quỳnh Nhã A, sinh ngày 08/10/2016 cho ông Phạm Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Lê Thị Tuyết N do ông Phạm Văn P chưa có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Tuyết N chịu lệ phí ly hôn mỗi người là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0049696 ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Tuyết N đã nộp đủ.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.12;
- CCTHADS Q.12;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Trần Thị Vui